

NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁM SÁT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA QUỐC HỘI VIỆT NAM

NGUYỄN XUÂN THỦY*

Theo quy định của Hiến pháp, Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, các cơ quan của Quốc hội có chức năng giám sát văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện công tác giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội trên thực tế còn nhiều tồn tại, hạn chế. Trong khuôn khổ bài viết, tác giả tập trung nghiên cứu thực trạng hoạt động giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIV, từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội trong nhiệm kỳ hiện nay.

Từ khóa: Giám sát; văn bản; quy phạm pháp luật; Hội đồng Dân tộc; các Ủy ban Quốc hội.

According to the provisions of the Constitution, the Law on the Organization of the National Assembly, the Law on the Supervisory Activities of the National Assembly and the People's Council, the agencies of the National Assembly have the function of supervision of legal normative documents. However, the National Assembly Ethnic Council and Committees' supervision of legal normative documents has revealed many limitations. The paper focused on the actual situation of the Fourteenth National Assembly Ethnic Council and Committees' supervision of legal normative documents and proposed a number of solutions to enhance its effectiveness.

Keywords: Supervision; documents; normative legal; Ethnic Council, National Assembly Committees.

NGÀY NHẬN: 11/02/2023

NGÀY PHẢN BIÊN, ĐÁNH GIÁ: 18/3/2023

NGÀY DUYỆT: 17/4/2023

1. Đặt vấn đề

Theo pháp luật nước ta, giám sát tính hợp hiến của văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) chủ yếu thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Quốc hội thực hiện quyền giám sát tính hợp hiến của VBQPPL tại kỳ họp Quốc hội và trên cơ sở hoạt động giám sát (HDGS) của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH), Hội đồng dân tộc (HDDT), các ủy ban của

Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội¹. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lĩnh vực phụ trách theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội, Luật HDGS của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và các quy định pháp luật có liên quan, các cơ quan của Quốc hội đã chủ động đưa HDGS

* TS, Văn phòng Tỉnh ủy Bình Dương

VBQPPL thuộc lĩnh vực phụ trách vào chương trình công tác của mình. Đặc biệt, một số cơ quan của Quốc hội đã thực hiện nhiệm vụ này thường xuyên (tiến hành theo kỳ giám sát hoặc định kỳ hàng năm). Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện công tác giám sát VBQPPL của HĐDT và các ủy ban của Quốc hội chưa thống nhất từ kỳ giám sát đến trình tự, cách thức thực hiện và việc xử lý kết quả giám sát VBQPPL²; một số cơ quan của Quốc hội chưa thực hiện thường xuyên nên kết quả đánh giá và số liệu thống kê hoạt động ban hành VBQPPL chưa đầy đủ; công tác giám sát văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành đối với từng văn bản, nhất là văn bản dưới Nghị định còn hạn chế; năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ tham mưu trong HĐGS văn bản chưa đồng đều; HĐGS chủ yếu dựa trên báo cáo của các bộ, ngành; việc giám sát chủ yếu tập trung vào tính kịp thời, đầy đủ, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất, tuân thủ các quy định về thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục của việc ban hành văn bản nhưng chưa tập trung đánh giá về nội dung, tính khả thi, hiệu lực, hiệu quả các văn bản (nhất là việc phát hiện và kiến nghị cơ quan ban hành văn bản xử lý cũng như báo cáo kết quả xử lý văn bản đến UBTVQH còn chưa chủ động, chưa kịp thời).

2. Thực trạng hoạt động giám sát văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan Quốc hội

Pháp luật về giám sát VBQPPL của Quốc hội có quy định thẩm quyền, trình tự của Quốc hội trong việc xem xét VBQPPL có dấu hiệu trái với *Hiến pháp*, luật, nghị quyết của Quốc hội; quy định thẩm quyền, trình tự của UBTVQH xem xét đối với VBQPPL của cơ quan nhà nước ở trung ương có dấu hiệu trái với *Hiến pháp*, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH và thẩm quyền giám sát VBQPPL của HĐDT, các ủy ban của Quốc hội được quy định tại Điều 25, 40, 41 và 51 *Luật HDGS của Quốc hội và Hội*

đồng nhân dân năm 2015. Qua HDGS của Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội đã chỉ ra rằng: các VBQPPL thuộc phạm vi giám sát về cơ bản đã được ban hành đúng quy định của *Luật Ban hành VBQPPL* về thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục và căn cứ pháp lý ban hành văn bản, đến nay chưa phát hiện sai sót. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo và trình bày văn bản cơ bản được thể hiện cụ thể, rõ ràng, dễ hiểu, dễ áp dụng.

Tuy nhiên, có một số nghị định quy định chi tiết vẫn còn việc ủy quyền ban hành văn bản là chưa phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 *Luật Ban hành VBQPPL*. Một số nghị định quy định chi tiết *Luật Doanh nghiệp*, *Luật Chứng khoán*, *Luật Đầu tư*, các nghị định của Chính phủ, như: Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 về đăng ký doanh nghiệp, Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 quy định chi tiết một số điều của *Luật Doanh nghiệp*, Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của *Luật Đầu tư*, Nghị định số 54/2021/NĐ-CP ngày 21/5/2021 quy định chi tiết về đánh giá sơ bộ tác động môi trường³ không thuộc trường hợp ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn nhưng có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký hoặc không bảo đảm đủ 45 ngày kể từ ngày ký ban hành là chưa tuân thủ theo đúng, đầy đủ quy trình xây dựng và ban hành theo quy định tại Điều 151 *Luật Ban hành VBQPPL* về thời điểm có hiệu lực của VBQPPL (*xem bảng 1 cuối bài*).

Về cơ bản, nội dung của các VBQPPL được ban hành bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất. Tuy nhiên, qua giám sát, các ủy ban cũng phát hiện nội dung một số VBQPPL có dấu hiệu chưa bảo đảm tính hợp pháp, tính thống nhất, chưa phù hợp với quy định của *Luật Ban hành VBQPPL* (*xem bảng 2 cuối bài*).

Trong quá trình giám sát giai đoạn 2016 - 2021, các cơ quan của Quốc hội phát hiện Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành *Luật Cư trú* và Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện⁴ quy định thủ tục hành chính nhưng không được giao trong *Luật*; nội dung thủ tục hành chính không rõ về trình tự, cách thức thực hiện, thành phần, số lượng hồ sơ, thời gian giải quyết... dẫn đến những khó khăn nhất định cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính.

3. Hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế

Một là, việc nọ đọng văn bản của giai đoạn trước còn kéo dài, đồng thời, tiếp tục phát sinh việc chậm ban hành văn bản quy định chi tiết các luật, pháp lệnh, nghị quyết mới ban hành, dẫn đến tình trạng nọ văn bản quy định chi tiết chưa được khắc phục triệt để.

Hai là, vẫn còn tình trạng áp dụng các quy định đã ban hành trước khi luật, nghị quyết có hiệu lực mà không ban hành văn bản mới. Chẳng hạn: Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết về tài liệu bảo quản vĩnh viễn và tài liệu bảo quản có thời hạn (khoản 4 Điều 17 *Luật Lưu trữ* năm 2011). Nội dung này đang thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2011/TT-BNV và Thông tư số 13/2011/TT-BNV và được ban hành trước thời điểm có hiệu lực của *Luật Lưu trữ* năm 2011 và căn cứ vào *Pháp lệnh Lưu trữ quốc gia* năm 2001 đã hết hiệu lực kể từ ngày 01/7/2012⁵.

Ba là, còn có văn bản chưa hướng dẫn hết nội hàm quy định được giao trong luật. Ví dụ như: Nghị định số 63/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ mới chỉ quy định

việc tổ chức thực hiện dự phòng trước phơi nhiễm với HIV bằng thuốc kháng HIV mà chưa quy định tổ chức thực hiện đối với các biện pháp giảm tác hại khác trong dự phòng lây nhiễm HIV (khoản 3 Điều 21)⁶.

Bốn là, một số văn bản có dấu hiệu chưa bảo đảm tính hợp pháp, tính thống nhất, bao gồm cả về thẩm quyền ban hành và nội dung văn bản; có nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết nhưng cơ quan chủ trì soạn thảo, ban hành văn bản quy định chi tiết xin dừng ban hành nghị định. Một số VBQPPL có nội dung chưa phù hợp với quy định của luật đã được chỉ ra và kết luận nhưng việc sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản mới để khắc phục còn chậm. Có nội dung giao Chính phủ, bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ theo thẩm quyền quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành nhưng chưa được thể hiện trong Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết⁷.

Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế nêu trên là do:

(1) Nguyên nhân chủ quan:

- Số lượng các nội dung luật giao quy định chi tiết còn nhiều. Sự chủ động trong việc chuẩn bị và xây dựng dự thảo văn bản quy định chi tiết còn hạn chế, chưa có sự đầu tư nguồn lực thích đáng cho công tác xây dựng pháp luật nói chung, công tác xây dựng văn bản quy định chi tiết nói riêng.

- Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong công tác xây dựng pháp luật trong một số trường hợp chưa nghiêm, trong đó xác định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc để xảy ra tình trạng chậm, nọ ban hành văn bản quy định chi tiết, ban hành văn bản có nội dung vượt, trái phạm vi được giao; thiếu sự kiểm tra, đôn đốc kịp thời...

- Chất lượng dự thảo văn bản quy định chi tiết còn thấp, đồng thời trong hồ sơ một số dự án luật còn hạn chế, còn mang tính hình thức, đối phó.

(2) Nguyên nhân khách quan:

- Một số nội dung được giao quy định chi tiết trong luật là những vấn đề khó, phức tạp, chưa được nghiên cứu sâu, chưa đủ rõ, không lường trước được những khó khăn, vướng mắc nên cần nhiều thời gian trong quá trình xây dựng văn bản.

- Tiêu chí để phân biệt văn bản quy định chi tiết thi hành luật với văn bản ban hành theo thẩm quyền, văn bản quy định biện pháp thi hành luật còn chưa rõ, gây khó khăn cho việc giám sát và đánh giá văn bản được giám sát. Còn có cách hiểu khác nhau trong việc bãi bỏ VBQPPL đã hết hiệu lực thi hành.

- Kinh phí cho công tác xây dựng VBQPPL còn khó khăn; số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật, công tác pháp chế ở một số bộ, ngành, cơ quan trung ương chưa đáp ứng được yêu cầu công việc. Việc tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng về công tác giám sát văn bản cho công chức chưa được tăng cường triển khai thực hiện.

4. Một số giải pháp

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của UBTVQH về việc xây dựng văn bản hướng dẫn về HĐGS VBQPPL để tạo sự thống nhất trong công tác này ở các cơ quan của Quốc hội, trong đó cần xác định cụ thể các nội dung: (1) Quy trình tiến hành giám sát, cách thức xử lý và các biện pháp cần thực hiện khi phát hiện VBQPPL có dấu hiệu trái luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, UBTVQH⁸; (2) Thống nhất cách xác định kỳ giám sát VBQPPL để thuận lợi trong việc tổng hợp chung kết quả giám sát của HĐDT và các ủy ban báo cáo UBTVQH, Quốc hội; (3) Thống nhất thời gian HĐDT, các ủy ban của Quốc hội báo cáo kết quả giám sát VBQPPL để bảo đảm sự liên thông, kết nối về thông tin và xử lý kết quả giám sát; (4) Xác định rõ quy trình, thủ tục xem xét, xử lý việc thực hiện các kết luận, kiến nghị giám sát VBQPPL⁹.

Thứ hai, nghiên cứu, đề xuất lấy kết quả ban hành VBQPPL trong phạm vi lĩnh vực phụ trách để làm một trong các cơ sở để đánh giá chất lượng công tác, kết quả hoàn thành nhiệm vụ được giao khi lấy phiếu tín nhiệm định kỳ đối với các chức danh do Quốc hội bầu, phê chuẩn.

Thứ ba, tiếp tục quan tâm, nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật¹⁰; các cơ quan của Quốc hội tiếp tục tăng cường tiến hành HĐGS VBQPPL, xác định rõ đây là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của HĐDT và các ủy ban của Quốc hội; chủ động, kịp thời đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị giám sát VBQPPL và định kỳ báo cáo kết quả xử lý văn bản đến UBTVQH¹¹.

Thứ tư, tăng cường tổ chức giám sát chuyên đề đối với các lĩnh vực quản lý nhà nước còn nhiều vướng mắc trong tổ chức thực hiện và đi sâu hơn về mặt nội dung văn bản ban hành, có trọng tâm, trọng điểm theo từng lĩnh vực pháp luật cụ thể, phù hợp với tinh thần của luật, pháp lệnh, nghị quyết được quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, từ đó, cung cấp cơ sở để yêu cầu các bộ, ngành hoàn thiện hệ thống pháp luật, bảo đảm chất lượng, đồng bộ, khả thi¹².

Thứ năm, các cơ quan của Quốc hội tăng cường phối hợp cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng, thực hiện kế hoạch ban hành văn bản quy định chi tiết để bảo đảm các văn bản quy định chi tiết được ban hành đầy đủ, kịp thời và có hiệu lực cùng với luật; định kỳ yêu cầu cơ quan chịu sự giám sát báo cáo kịp thời, đầy đủ các nội dung liên quan đến việc xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết.

Thứ sáu, tiếp tục nâng cao hơn nữa chất lượng thẩm tra, xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết trình Quốc hội, UBTVQH thông qua theo đúng quy định của *Luật Ban hành VBQPPL*. Đối với trường hợp trong quá trình tiếp thu, chỉnh lý dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết phát sinh nội dung mới cần giao quy định chi tiết thì cần nhắc thận trọng, kỹ

lượng, đánh giá tác động đầy đủ và yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng dự thảo văn bản quy định chi tiết (hoặc đề cương sơ bộ) để tránh việc chuẩn bị này chỉ được thực hiện sau khi luật, pháp lệnh, nghị quyết đã được Quốc hội, UBTVQH thông qua, không bảo đảm thời gian nghiên cứu, chuẩn bị dự thảo văn bản quy định chi tiết có chất lượng.

Thứ bảy, nghiên cứu cơ chế giao trách nhiệm cụ thể cho cơ quan đầu mối trong việc giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tự kiểm tra văn bản do mình ban hành để xử lý kịp thời những nội dung có sai sót, bất cập, không phù hợp, bảo đảm tính toàn diện, khách quan, công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; đặc biệt là công khai tình hình soạn thảo và nợ ban hành văn bản quy định chi tiết trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Tư pháp, thường xuyên có văn bản đôn đốc công tác triển khai thi hành luật, pháp lệnh.

Thứ tám, tăng cường siết chặt hơn nữa kỷ luật, kỷ cương trong công tác xây dựng, ban hành VBQPPL; xác định rõ hơn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác xây dựng pháp luật, quy định chế tài và thực hiện nghiêm việc xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị liên quan để xảy ra vi phạm, chậm trễ trong việc xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; có giải pháp củng cố tổ chức, kiện toàn bộ máy, nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn của đội ngũ công chức làm công tác xây dựng pháp luật; nghiên cứu xây dựng định mức hợp lý, bố trí kịp thời, đầy đủ kinh phí cho công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

Thứ chín, tiếp tục đổi mới, cải tiến về quy trình, cách làm theo hướng hiệu quả, thực chất hơn để bảo đảm thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về việc nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy trình xây dựng pháp luật theo hướng nâng cao trách nhiệm, chất lượng công tác và sự phân công hợp lý, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ

quan, tổ chức trong quá trình soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, tiếp thu, chỉnh lý, ban hành. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng pháp luật, đặc biệt là triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của *Luật Ban hành VBQPPL* (có hiệu lực từ ngày 01/01/2021), trong thời gian tới, chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng: “Xây dựng, hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến, hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền”¹³ và “xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm *Hiến pháp* trong hoạt động lập pháp, hành pháp, tư pháp”¹⁴ □

Chú thích:

1, 8. *Giám sát tính hợp hiến của văn bản quy phạm pháp luật*. <http://www.lapphap.vn>, ngày 01/02/2005.

2. *Giám sát văn bản quy phạm pháp luật phải làm thường xuyên, liên tục và có tính kế thừa giữa các nhiệm kỳ*. <http://mattran.org.vn>, ngày 23/11/2021.

3, 4, 10. *Báo cáo số 575/BC-TTKQH ngày 24/12/2021 của Tổng Thư ký Quốc hội về việc tổng hợp kết quả giám sát văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan của Quốc hội*.

5, 9. *Báo cáo số 217/BC-UBPL15 ngày 07/10/2021 của Ủy ban Pháp luật về giám sát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực pháp luật*.

6. *Báo cáo số 224/BC-UBXH15 ngày 08/10/2021 của Ủy ban Xã hội về giám sát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực xã hội*.

7, 12. *Báo cáo số 211/BC-UBTCNS15 ngày 11/10/2021 của Ủy ban Tài chính, Ngân sách về giám sát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực tài chính, ngân sách*.

11. *Giám sát văn bản quy phạm pháp luật phải khẩn trương, chính xác, tạo chuyển biến tích cực*. <https://baochinhphu.vn>, ngày 23/11/2021.

13, 14. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. H. NXB Chính trị quốc gia, 2006, tr. 126, 127.

Bảng 1: Hoạt động chất vấn tại kỳ họp Quốc hội (2016 - 2021)

TT	Kỳ họp	Thời gian chất vấn	Số chất vấn, tranh luận tại Hội trường	Số chất vấn bằng văn bản	Nghị quyết, kết luận
1	Thứ 2	2,5 ngày (990 phút)	203 đại biểu chất vấn 30 đại biểu tranh luận 7 đại biểu đăng ký nhưng không đủ thời gian chất vấn	54 đại biểu với 124 phiếu	Nghị quyết số 33/2016/QH14 ngày 23/11/2016 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XIV.
2	Thứ 3	3 ngày (1.170 phút)	196 đại biểu chất vấn 48 đại biểu tranh luận 65 đại biểu đăng ký nhưng không đủ thời gian chất vấn	66 đại biểu với 136 phiếu	Nghị quyết số 44/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIV.
3	Thứ 4	3 ngày (1.170 phút)	163 đại biểu chất vấn 35 đại biểu tranh luận 51 đại biểu đăng ký nhưng không đủ thời gian chất vấn	58 đại biểu với 125 phiếu	Nghị quyết số 55/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XIV
4	Thứ 5	3 ngày (1.170 phút)	214 đại biểu chất vấn 74 đại biểu tranh luận 17 đại biểu đăng ký nhưng không đủ thời gian chất vấn	75 đại biểu với 179 phiếu	Nghị quyết số 63/2018/QH14 ngày 15/6/2018 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV.
5	Thứ 6			35 đại biểu với 111 phiếu	Không tổ chức chất vấn trực tiếp
6	Thứ 7	2,5 ngày (990 phút)	202 đại biểu chất vấn 35 đại biểu tranh luận 54 đại biểu đăng ký nhưng không đủ thời gian chất vấn	52 đại biểu với 147 phiếu	Nghị quyết số 83/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XIV.
7	Thứ 8	3 ngày (1.170 phút)	191 đại biểu chất vấn 51 đại biểu tranh luận 98 đại biểu đăng ký nhưng không đủ thời gian chất vấn	58 đại biểu với 271 phiếu	Nghị quyết số 100/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIV.
8	Thứ 9			22 đại biểu với 49 phiếu	Không tổ chức chất vấn trực tiếp
9	Thứ 10			65 phiếu chất vấn	Không tổ chức chất vấn trực tiếp

Nguồn: Văn phòng Quốc hội cung cấp, năm 2022.

Bảng 2: Hoạt động giám sát chuyên đề của Quốc hội (2016 - 2020)

STT	Kỳ họp	Năm	Quốc hội	UBTVQH	Các cơ quan của Quốc hội	Các đoàn ĐBQH
1	Thứ 2	2016	1	1	0	126
2	Thứ 3	2017	1	2	4	252
3	Thứ 4		1			
4	Thứ 5	2018	1	3	13	189
5	Thứ 6		0			
6	Thứ 7	2019	1	2	9	158
7	Thứ 8		1			
8	Thứ 9	2020	1	1	5	133
9	Thứ 10					
Tổng			7	9	31	858

Nguồn: Văn phòng Quốc hội cung cấp, năm 2022.